

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-5-2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung

Ông Lê Văn Vin

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1993; cư trú tại xóm A, thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ D – sinh năm 1987

Địa chỉ: Japan Kanagawakenkawasakishi Saiwaiku S Haitsu N.

(Chị Nguyễn Thị L có mặt, anh Nguyễn Vũ D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2022 và ngày 08/7/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Vũ D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2019 đến nay, anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nên chị và anh D không còn quan tâm nhau, phần ai nấy sống. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Anh Nguyễn Vũ D không có văn bản trình bày ý kiến, mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh D.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 68, 469, 473, 474, 475, 476, 477, 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thụ lý và thẩm quyền giải quyết vụ án; về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định tư cách người tham gia tố tụng; về thu thập chứng cứ.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã áp dụng biện pháp tương trợ tư pháp, tuy nhiên không tổng đạt được cho anh D vì lý do anh D không đến nhận hồ sơ cần tổng đạt trong thời gian lưu trữ tại Buu cục K. Tòa án đã triệu tập lần hai, nhưng anh D không đến tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Vũ D; chị L phải chịu chi phí tố tụng khác và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Vũ D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Vũ D có đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 01/6/2011, nên hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp.

Theo chị L trình bày, sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, giữa hai người có quá nhiều khác biệt về cách nghĩ, quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, từ năm 2019 đến nay anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nên giữa chị và anh D không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Xét yêu cầu của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D. Theo văn bản số 157/BTP-PLQT ngày 02/02/2023 của Bộ Tư pháp về thông báo kết quả ủy thác tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản không tổng đạt được hồ sơ cho anh D vì anh D không đến nhận hồ sơ cần tổng đạt trong thời gian lưu giữ hồ sơ tại Bưu cục K, Công ty Cổ phần B, nên được xem như anh D từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 05/5/2023, bà Lưu Thị D1 là mẹ đẻ của anh D trình bày: ... *Từ khi anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua ứng dụng zalo; anh D nói với bà là anh D biết việc chị L gửi đơn khởi kiện xin ly hôn anh; anh D không muốn ly hôn nhưng chị L mong muốn ly hôn, thì anh D đồng ý; anh D và chị L không có con chung, tài sản chung, nợ chung; bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo lại cho anh D biết ...* Do đó, để tạo điều kiện cho cả hai ổn định cuộc sống mới, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0003224 ngày 19/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chị L phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai số 0003229 ngày 04/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị L đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 1.580.000 đồng, chị L tự nguyện chịu. Chị L đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, 38, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 464, 476, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Vũ D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0003224 ngày 19/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn*) theo Biên lai số 0003229 ngày 04/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 1.580.000 đồng (*một triệu, năm trăm tám mươi ngàn*), chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu. Chị Nguyễn Thị L đã nộp và chi phí xong.

Chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Vũ D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan